

Bản án số: 40/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 14-8-2024

Về việc: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THẠNH - TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh

Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Năm
2. Ông Nguyễn Vĩnh Lâm

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: ông Trần Quốc Huỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh.

Ngày 14 tháng 8 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 101/2024/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2023/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1987; nơi cư trú: ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Anh Ngô Thanh T1, sinh năm 1983; nơi cư trú: ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Long An

(Nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt mà không phải do sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nội dung vụ kiện như sau:

Bà Nguyễn Ngọc T và ông Ngô Thanh Thủy c sống với nhau vào năm 2004, có đăng ký kết hôn ngày tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Long An. Thời gian đầu giữa vợ chồng chung sống với nhau có hạnh phúc và có 02 con chung. Đến năm 2007 khi sinh con thứ hai thì giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do ông T1 thay đổi tính tình, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, nhiều lần xung đột dẫn đến rạn nứt tình cảm. Bà T và ông T1 đã sống ly thân với nhau từ năm 2021 và không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Hiện nay, bà T nhận thấy cuộc hôn nhân giữa bà và ông T1 không có kết quả tốt đẹp, không hạnh phúc nên bà T xin được ly hôn với ông T1.

Về con chung: bà Nguyễn Ngọc T và ông Ngô Thanh T1 có 02 con chung tên Ngô Minh A, sinh ngày 03/12/2005 và Ngô Thị Tuyết N, sinh ngày 13/05/2007. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Ngô Thị Tuyết N, sinh ngày 13/05/2007 và không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung. Về con chung tên Ngô Minh A, sinh ngày 03/12/2005 đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn ông Ngô Thanh T1: ông T1 vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án và không gửi văn bản trình bày ý kiến nên hồ sơ vụ án không thể hiện ý kiến của ông Ngô Thanh T1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tranh chấp phát sinh giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp hôn nhân gia đình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: bị đơn Ngô Thanh T1 cư trú tại ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Long An đúng như đơn khởi kiện của nguyên đơn đã cung cấp. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không phải vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Do đó, Hội xét xử vẫn tiến

hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân:

Bà Nguyễn Ngọc T và ông Ngô Thanh T1 đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Long An, vào sổ đăng ký kết hôn số 42/2007, ngày 09/5/2007 nên quan hệ hôn nhân của bà T và ông T1 là hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân dẫn đến ly hôn: Tại đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, bà T trình bày trong thời gian chung sống, giữa bà T và ông Thủy c sống với nhau có hạnh phúc trong thời gian đầu. Đến năm 2007 thì giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chung sống với nhau không có hạnh phúc. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do ông T hay đổi tính tình, giữa vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, không hòa hợp với nhau, vợ chồng thường xuyên cự cãi, cuộc sống không có hạnh phúc nên đã sống ly thân với nhau từ năm 2021 đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, giữa bà T và ông mỗi người có cuộc sống riêng, không quan tâm đến nhau. Do đó, bà T cương quyết xin được ly hôn với ông T1.

Ông Ngô Thanh T1 đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng đã vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đến lần thứ hai nên không có văn bản trình bày ý kiến của ông về yêu cầu xin ly hôn của bà T.

Hội đồng xét xử xét thấy bà T và ông T1 đã không còn chung sống với nhau từ năm 2021 đến nay. Đồng thời, có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa bà T và ông T1 đã đến mức trầm trọng, tình cảm giữa vợ và chồng không còn, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung:

Trong thời gian chung sống với nhau, bà Nguyễn Ngọc T và ông Ngô Thanh T1 có 02 con chung tên Ngô Minh A, sinh ngày 03/12/2005 và Ngô Thị Tuyết N, sinh ngày 13/05/2007. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Ngô Thị Tuyết N, sinh ngày 13/05/2007 và không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung. Về con chung tên Ngô Minh A, sinh ngày 03/12/2005 đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Ngô Thị Tuyết N có văn bản nêu nguyện vọng được sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Xét thấy trong thời gian bà T và ông T1 sống ly thân, con chung do bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm lo các mặt đời sống cho con và vẫn đảm bảo quyền lợi cho con. Do đó, có cơ sở chấp

nhận yêu cầu của bà T về việc yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung chưa thành niên.

Ông Ngô Thanh T1 được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: bà Nguyễn Ngọc T và ông Ngô Thanh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

[3] Về án phí: bà Nguyễn Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc T: bà Nguyễn Ngọc T được ly hôn với ông Ngô Thanh T1.

2. Về con chung:

Bà Nguyễn Ngọc T được trực tiếp nuôi con chung chưa thành niên tên Ngô Thị Tuyết N, sinh ngày 13/05/2007.

Sau khi ly hôn, có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Trong trường hợp có yêu cầu của bà Nguyễn Ngọc T, ông Ngô Thanh T1, người thân thích của cháu Ngô Thị Tuyết N hoặc Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình, Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ đều có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, hạn chế quyền

của cha mẹ đối với con chưa thành niên theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Ngọc T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí. Chuyển 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Ngọc T đã nộp theo biên lai thu số 0003637 ngày 17/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh sang thành án phí.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Tân Thạnh;
- UBND cấp xã Nhơn Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu HS
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Ánh